TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **320/**2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2026
"*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Năm.

Ông Huỳnh Thế Cần.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà La Nguyễn Minh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai:* Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 817/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 412/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1992.

HKTT: Tổ 28, khu phố C (nay là khu phố A), phường L, thành phố Đ (phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cũ).

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã Q, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Ngọc Đ, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ B, khu phố C (nay là khu phố A), phường L, thành phố Đ (phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cũ).

(bà O, ông Đ có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày:

Bà và ông Đặng Ngọc Đ kết hôn vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường, huyện Q, tỉnh Nghệ An, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn về lối sống, quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái và nhiều mâu thuẫn khác. Quá trình chung sống, ông Đ không quan tâm, chăm sóc gia đình. Bà O và ông Đ đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Hiện bà O và ông Đ đã sống ly thân. Nay mâu thuẫn vợ chồng nghiêm trọng, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà O đề nghị giải quyết cho bà O được ly hôn với ông Đặng Ngọc Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đặng Thị Kim N, sinh ngày 28/3/2016 và Đặng Ngọc Đ1, sinh ngày 16/4/2020. Sau ly hôn, bà O đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 5.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Đặng Ngọc Đ trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kiều O kết hôn vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường, huyện Q, tỉnh Nghệ An, hôn nhân tự nguyện. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, mặc dù có những mâu thuẫn trong cuộc sống nhưng vẫn hòa giải được. Nay bà O kiên quyết xin ly hôn thì ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đặng Thị Kim N, sinh ngày 28/3/2016 và Đặng Ngọc Đ1, sinh ngày 16/4/2020. Nếu ly hôn, ông Đ đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu bà O cấp dưỡng. Trường hợp không được Tòa án chấp nhận nuôi 02 cháu, ông Đ đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ1, giao cháu N cho bà O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều O. Bà O được ly hôn với ông Đặng Ngọc Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Kim N, sinh ngày 28/3/2016 cho bà Nguyễn Thị Kiều O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Đặng Ngọc Đ1, sinh ngày 16/4/2020 cho ông Đặng Ngọc Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Về án phí: bà O phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn có bị đơn cư trú tại phường L, thành phố Đ nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Đặng Ngọc Đ tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Căn cứ các điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xác định quan hệ hôn nhân của bà O, ông Đ là hợp pháp. Nay bà O xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà O: Bà O xin ly hôn với ông Đ nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, tình cảm không còn. Ông Đ trình bày hai vợ chồng chung sống cũng có phát sinh những mâu thuẫn, nay bà O kiên quyết xin ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy, Tòa án đã xác minh về mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Đặng Ngọc Đ. Đại diện chính quyền địa phương cho biết bà O, ông Đ chung sống có mâu thuẫn hay không địa phương không biết do các đương sự không báo chính quyền địa phương.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa bà O, ông Đ nhưng bà O vẫn kiên quyết ly hôn. Hiện bà O và ông Đ không còn sống chung với nhau. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà O và ông Đ là có thật, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà O có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: có 02 con chung là cháu Đặng Thị Kim N, sinh ngày 28/3/2016 và cháu Đặng Ngọc Đ1, sinh ngày 16/4/2020. Ly hôn, bà O đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 5.000.000đ/tháng. Ông Đ đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Không yêu cầu bà O cấp dưỡng. Trường hợp không được Tòa án chấp nhận nuôi 02 cháu, ông Đ đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ1, giao cháu N cho bà O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà O, ông Đ đều trình bày có đủ điều kiện về kinh tế, nơi ở, thời gian để chăm sóc hai con.

Xét thấy, ông Đ, bà O đều có điều kiện kinh tế, sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt để nuôi dạy con. Tòa án đã lấy ý kiến của cháu Đặng Thị Kim N và nguyện vọng của cháu là được ở với bà O. Hiện nay cháu Đặng Thị Kim N và Đặng Ngọc Đ1 đang ở cùng nhau và ở cùng với bà O, tình cảm chị em đang gắn bó thân thiết với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, bà O cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hai cháu do bà trực tiếp chăm sóc. Do đó, để đảm bảo việc ổn định cuộc sống phát triển toàn diện về thể chất cũng như tinh thần của hai cháu N và cháu Đ1, Hội đồng xét xử nhận thấy giao hai cháu N và cháu Đ1 cho bà O nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên…*, Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*. Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân gia đình quy định: "*Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi*

người con". Điều 3 Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động quy định: Mức lương tối thiểu Vùng I là 5.310.000đ/tháng.

Ly hôn, bà O yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi 02 con 5.000.000đ/tháng (2.500.000đ/cháu/tháng). Xét thấy, cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên. Do đó, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đảm bảo sự phát triển của cháu N, cháu Đ1, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà O, buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 5.000.000đ/tháng (2.500.000đ/cháu/tháng) tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Đ được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà O, ông Đ khai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà O, ông Đ khai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điều 203, điều 235, điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 71, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều O. Bà Nguyễn Thị Kiều O được ly hôn với ông Đặng Ngọc Đ.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Đặng Thị Kim N, sinh ngày 28/3/2016 và Đặng Ngọc Đ1, sinh ngày 16/4/2020 cho bà Nguyễn Thị Kiều O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đặng Ngọc Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 5.000.000đ/tháng (2.500.000đ/cháu/tháng) tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp

luật đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Đ được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều O phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0006129 ngày 19/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ.

Ông Đặng Ngọc Đ phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND thành phố Đồng Nai (1);
-VKSND khu vực 1 – Đồng Nai (2);
-THA Dân sự thành phố Đồng Nai (1);
-UBND xã Quỳnh Văn, tỉnh Nghệ An (xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An cũ) (1);
-Đương sự (4)
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thanh Thủy